TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 05-9-2018
Về việc "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lữ Minh Luân.

2. Ông Nguyễn Sơn Trường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Long An.

Ngày 05 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 68/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị Mai L - Sinh năm 1982 - Địa chỉ: Ấp 1, xã MTB, huyện H, tỉnh Long An; Tạm trú: Khu phố 1, thị trấn Đông Thành, huyện H, tỉnh Long An (Vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T - Sinh năm 1980 - Địa chỉ: Ấp 1, xã MTB, huyện H, tỉnh Long An (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 4 năm 2018, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn bà Võ Thị Mai L trình bày và yêu cầu: Bà và ông Nguyễn Văn T cưới nhau năm 2000, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MTB ngày 17-8-2011. Chung sống đến tháng 10 năm 2015 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến mất hạnh phúc, đã ly thân từ tháng 8 năm 2017.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về nuôi con chung: Bà và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Thành D, sinh ngày 26-02-2004 (đang sống chung với ông T) và Nguyễn Thị NT, sinh ngày 30-10-2006 (đang sống chung với bà). Bà yêu cầu nguyện vọng con chung muốn sống với ai người đó nuôi, người còn lại không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngày 24/7/2018, bà Võ Thị Mai L có đơn xin xét xử vắng mặt;

Bị đơn là ông Nguyễn Văn T được niêm yết hợp lệ các thủ tục tố tụng, nhưng không có ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của ông, không có mặt để tham gia hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Võ Thị Mai L khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Văn T, Tòa án nhân dân huyện H tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà L có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử xét đơn khởi kiện của bà L theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

[3] Trong thời gian Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Văn T được niêm yết hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án, nhưng không có ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của ông, không có mặt để tham gia hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử xét đơn khởi kiện của bà L theo quy định tại khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, ông T không được quyền khiếu nại về việc cung cấp chứng cứ và tham gia phiên tòa vì ông không có mặt theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông theo quy định pháp luật.

[4] Nguyên đơn không có đơn rút yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

[5] Xét về hôn nhân:

[5.1] Bà L và ông T chung sống có đăng ký kết hôn ngày 17-8-2011 tại Ủy ban nhân dân xã MTB, huyện H, tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình.

[5.2] Xét yêu cầu ly hôn của bà L: Bà L không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh cho trình bày và yêu cầu của bà là có căn cứ và hợp pháp. Tuy nhiên, xét bà L và ông T xảy ra mâu thuẫn và ly thân từ tháng 8 năm 2017, hiện vẫn sống

ly thân, tự mỗi người lo cho bản thân, không quan tâm chăm sóc nhau. Mâu thuẫn giữa bà L và ông T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà L yêu cầu ly hôn là phù hợp theo quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên chấp nhận. Ông T không có ý kiến nên không có căn cứ xem xét.

[6] Về nuôi con chung:

[6.1] Bà L trình bày có 02 con chung tên Nguyễn Thành D, sinh ngày 26-02-2004 (đang sống chung với ông T) và Nguyễn Thị NT, sinh ngày 30-10-2006 (đang sống chung với bà L). Bà L yêu cầu nguyện vọng con chung muốn sống với ai người đó nuôi. Nguyện vọng của 02 con chung muốn sống với bà L, nên chấp nhận để bà L được trực tiếp nuôi 02 con chung là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Ông T không có ý kiến về nuôi con chung, nên không có căn cứ xem xét.

[6.2] Con chung tên Nguyễn Thành D, đang sống chung với ông T, buộc ông T có nghĩa vụ giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi từ khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp.

[6.3] Bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, phù hợp quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[6.4] Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung; Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, bà L và ông T được quyền yêu cầu thay đổi trình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại các Điều 83, 84, 107 và 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7] Về chia tài sản chung và nợ chung: Bà L trình bày không có, ông T không có ý kiến, nên không đề cập giải quyết; Nếu xảy ra tranh chấp, đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự là phù hợp.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xét thấy: Bà L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, bà L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm; Ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107 và 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Bà Võ Thị Mai L được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Bà Võ Thị Mai L được trực tiếp nuôi 02 con chung tên Nguyễn Thành D, sinh ngày 26-02-2004 (đang sống chung với ông T) và Nguyễn Thị NT, sinh ngày 30-10-2006 (đang sống chung với bà L), theo nguyện vọng của 02 con chung; Ông Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.2. Buộc ông T có nghĩa vụ giao con chung tên Nguyễn Thành D cho bà L trực tiếp nuôi từ khi án có hiệu lực pháp luật.

2.3. Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung; Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, bà L và ông T được quyền yêu cầu thay đổi trình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị Mai L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (theo Biên lai thu số 0008275 ngày 10-4-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H), bà L đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã MTB (để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Nguyễn Hùng Vương